

Số: 424/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 28 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 336/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 07/5/1983

Nơi thường trú: Pxxx, CTxxx b KĐT Đ, xã Đ, TP. H

Căn cước công dân số: 025183000887; Ngày cấp: 28/12/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/12/1982

Nơi thường trú: Pxxx, CTxxx b KĐT Đ, xã Đ, TP. H

Căn cước công dân số: 030082004152; Ngày cấp: 01/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T có ba con chung là cháu Nguyễn Trần M P, sinh ngày 03/11/2008; cháu Nguyễn Khoa V, sinh ngày 19/11/2021 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 29/8/2023. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T:

Giao cháu Nguyễn Khoa V cho anh Nguyễn Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Khoa V đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu V cho anh T với mức 10.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác.

Giao cháu Nguyễn Trần M P và cháu Nguyễn Phương A cho chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu P và cháu A cho chị M với mức 10.000.000 đồng/ tháng/1 cháu (tương đương với 20.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu), kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu P và cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác.

Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Tuyết M tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0013437 ngày 23 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H. Xác nhận chị Trần Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Việt T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực xxx – H;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh H (cũ) nay là xã T, tỉnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 17/10/2007);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương

